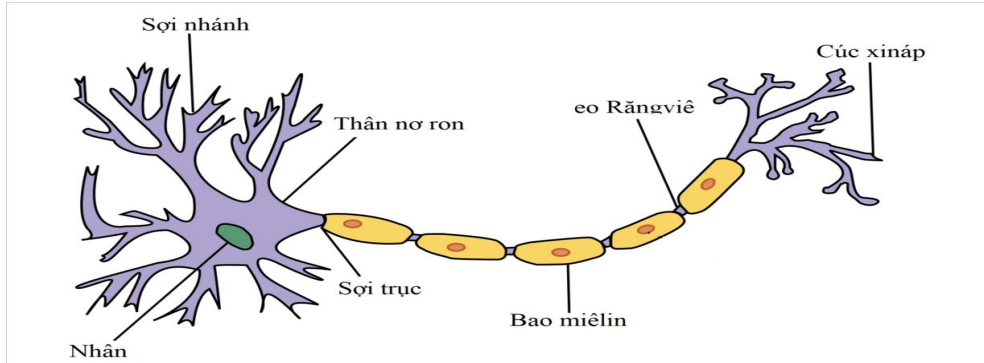


HƯỚNG DẪN TỰ HỌC CHO HỌC SINH MÔN SINH HỌC 8 TUẦN 3

A. CÂU HỎI

BÀI 6: PHẢN XẠ

I. CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA NƠN :



Quan sát hình, thông tin SGK/20, trả lời các câu hỏi sau:

1. Nơron gồm những thành phần chính nào?

.....

.....

.....

.....

2. Nêu chức năng của nơron?

.....

.....

.....

.....

.....

3. Có mấy loại nơron?

.....

4. Hoàn thành bảng sau:

	Vị trí	Chức năng

Nơron hướng tâm (cảm giác)		
Nơron trung gian (Liên lạc)		
Nơron li tâm (vận động)		

II. PHẢN XẠ

Dựa vào thông tin SGK, hoàn thành các câu hỏi sau?

1. Phản xạ là gì?

.....

.....

.....

2. Nêu sự khác biệt giữa phản xạ ở động vật và cảm ứng ở thực vật?

.....

.....

.....

.....

3. Cung phản xạ là gì?

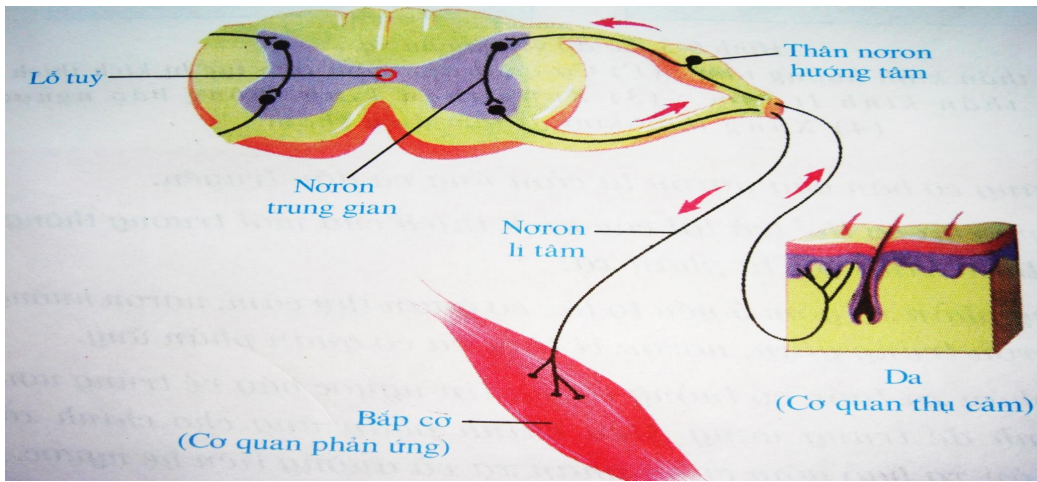
.....

.....

.....

.....

4. Quan sát hình căn cứ chiều mũi tên, giải thích cung phản xạ sau:

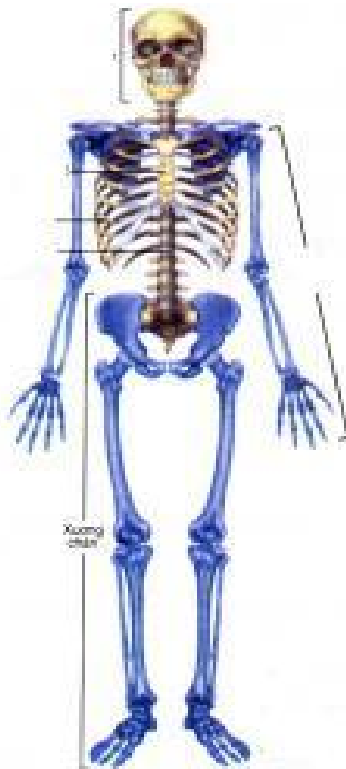


5. Vòng phản xạ (giảm tải hs tự đọc)

Chủ đề II: VẬN ĐỘNG

BÀI 7 - BỘ XƯƠNG

I. Các phần chính của bộ xương:



Quan sát hình, thông tin SGK/25, hoàn thành các câu hỏi sau:

1. Bộ xương có chức năng gì?

.....

.....

.....

.....

2. Bộ xương người gồm mấy phần?

.....

.....

.....

3. Hãy quan sát H7.2/24 và cho biết: Bộ xương đầu gồm có các xương nào?

.....

.....

4. Hãy quan sát H7.3/24 và cho biết: Xương cột sống gồm bao nhiêu đốt? Cột sống có hình dạng gì? Ý nghĩa?

.....

.....

.....

.....

II. Phân biệt các loại xương (Giảm tải HS tự học)

III. Các khớp xương:

Quan sát hình 7.4/26 và thông tin SGK, trả lời các câu hỏi sau:

1. Khớp xương là gì?

.....

.....

2. Có mấy loại khớp xương? kể tên

.....

.....

3. Hoàn thành bảng sau:

	Khớp động	Khớp bán động	Khớp bất động
Tính chất (mức độ hoạt động)			
Cấu tạo			

B. NỘI DUNG GHI BÀI TRONG VỞ
BÀI 6: PHẢN XẠ
I. CẤU TẠO VÀ CHỨC NĂNG CỦA NƠN :
1. Cấu tạo noron gồm:

- + Thân noron: chứa nhân, xung quanh có các sợi nhánh và một sợi trục
- + Sợi trục: có bao myelin, tận cùng là xináp (nơi tiếp nối noron)

2. Chức năng: có 2 chức năng là

- + cảm ứng
- + dẫn truyền

3. Các loại noron: Có 3 loại: noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian (Học sgk/20)

II. PHẢN XẠ
1. Phản xạ là gì ?

- Phản xạ là phản ứng của cơ thể trả lời các kích thích của môi trường dưới sự điều khiển của hệ thần kinh

2. Cung phản xạ

- Cung PX là con đường dẫn truyền xung thần kinh từ cơ quan thụ cảm (da, ...) qua TƯ TK tới cơ quan phản ứng (cơ, tuyến, ...)

Gồm 5 khâu :

- Cơ quan thụ cảm.
- Noron hướng tâm (cảm giác).
- Trung ương thần kinh (noron trung gian).
- Noron li tâm (vận động).
- Cơ quan phản ứng

3. Vòng phản xạ (HS tự học)
Chủ đề II: VẬN ĐỘNG
BÀI 7 - BỘ XƯƠNG
I. Các phần chính của bộ xương:
a. Chức năng:

- Tạo khung giúp cơ thể có hình dạng nhất định
- Chỗ bám cho các cơ giúp cơ thể vận động .
- Bảo vệ các nội quan

b. Cấu tạo:

Bộ xương gồm:

- Xương đầu: xương sọ và xương mặt.
- Xương thân:
 - + Cột sống: nhiều đốt khớp lại, có 4 chỗ cong.
 - + Xương lồng ngực: gồm xương sườn và xương ức.
- Xương chi: gồm
 - + Xương tay: x. đai vai, x. cánh tay, x. cẳng tay, x. bàn tay
 - + Xương chân: x. đai hông, x. đùi, x. cẳng chân, x. bàn chân.

II. Phân biệt các loại xương (HS tự học)

III. Các khớp xương:

- Khớp xương: là nơi tiếp giáp giữa các đầu xương.

Có 3 loại :

- **Khớp động:** là khớp cử động dễ dàng nhờ 2 đầu xương có sụn, đầu khớp nằm trong một bao chứa dịch khớp (hoạt dịch).

Ví dụ: ở cổ tay

- **Khớp bán động:** giữa 2 đầu xương là đĩa sụn, hạn chế cử động.

Ví dụ: ở cột sống

- **Khớp bất động:** các xương gắn chặt bằng khớp răng cưa nên không cử động được.

Ví dụ: ở hộp sọ

C. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

1. Một cung phản xạ gồm đầy đủ các thành phần là:

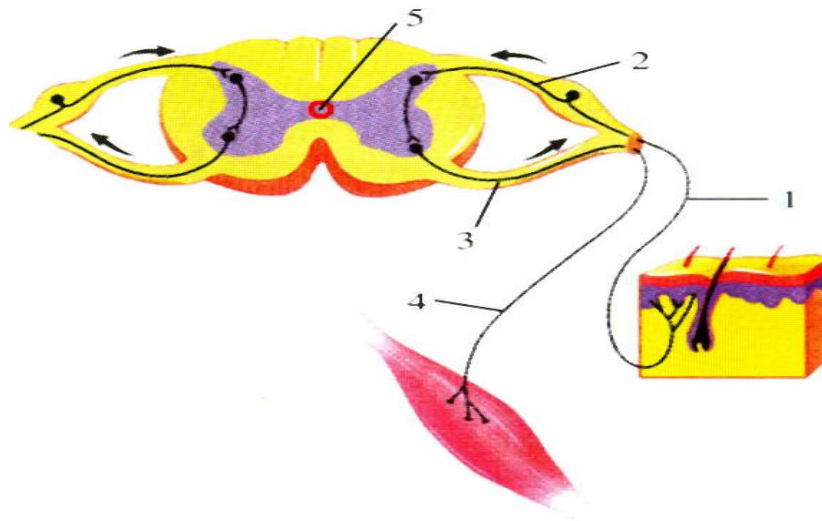
- A. Noron hướng tâm, noron li tâm và noron trung gian.
- B. Noron hướng tâm, noron li tâm, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng.
- C. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian, cơ quan thụ cảm, cơ quan phản ứng.
- D. Noron hướng tâm, noron li tâm, noron trung gian cơ quan thụ cảm.

2. Vai trò của noron cảm giác là:

- A. Truyền xung thần kinh về trung ương
- B. Truyền xung thần kinh đến cơ quan cảm ứng.
- C. Liên hệ giữa các noron
- D. Nối các vùng khác nhau trong trung ương thần kinh.

II. Tự Luận

1. Phản xạ là gì? Hãy lấy ví dụ về phản xạ.
2. Căn cứ vào chức năng người ta phân biệt mấy loại nơron? Các loại nơron đó khác nhau ở điểm nào?
3. Chú thích hình 1 cung phản xạ

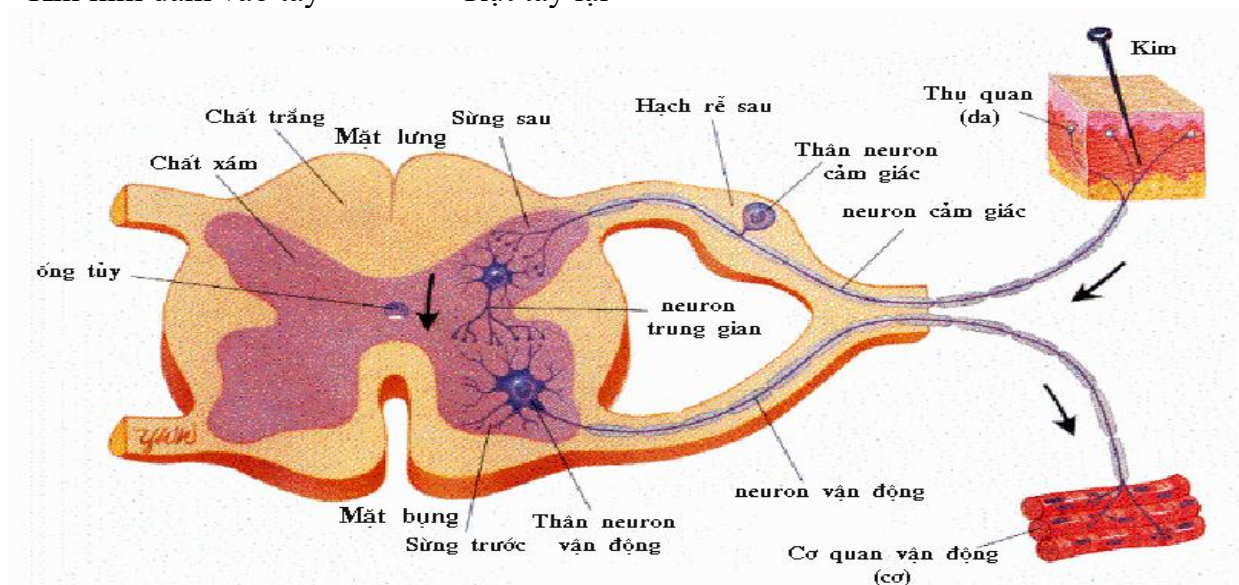


3. Hãy chọn từ thích hợp trong các từ: *xương sọ, xương chân, xương ức, xương mặt, cột sống, xương tay, xương sườn*. Điền vào chỗ trống (.....) trong các câu sau:

Bộ xương người được chia làm 3 phần: Xương đầu gồmvà; xương thân gồm , và ; xương chi gồm..... và.....

4. Hãy giải thích phản xạ:

- Khi kim đâm vào tay => Rụt tay lại



D. DẶN DÒ

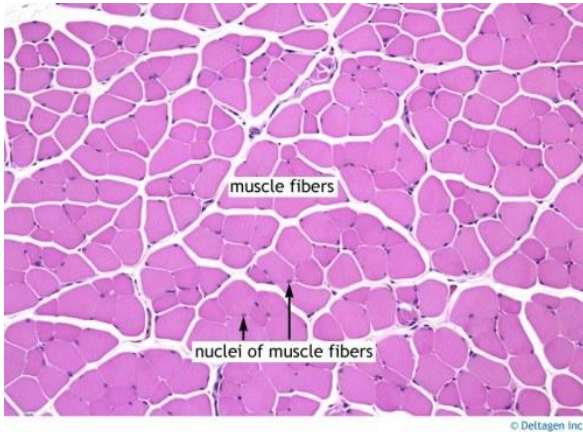
- HỌC BÀI 6, 7, LÀM BÀI TẬP VỀ NHÀ
- ĐỌC “EM CÓ BIẾT”; CHUẨN BỊ BÀI 8, 9

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC CHO HỌC SINH MÔN SINH HỌC 8 TUẦN 4

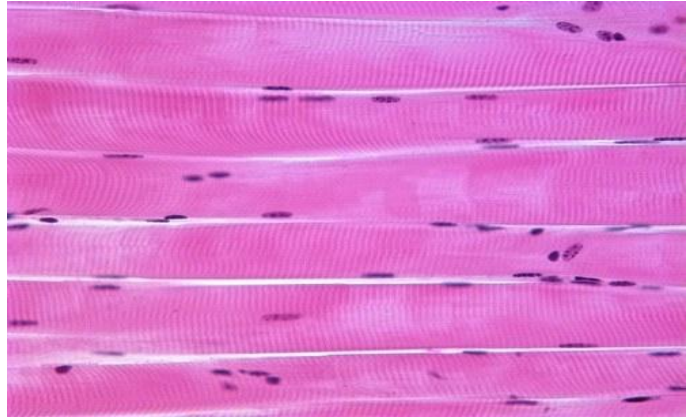
A. CÂU HỎI

BÀI 5: THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

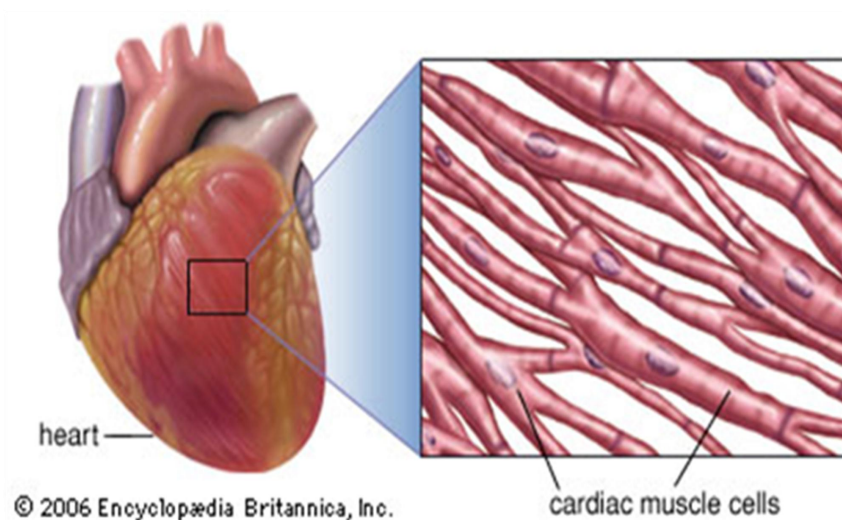
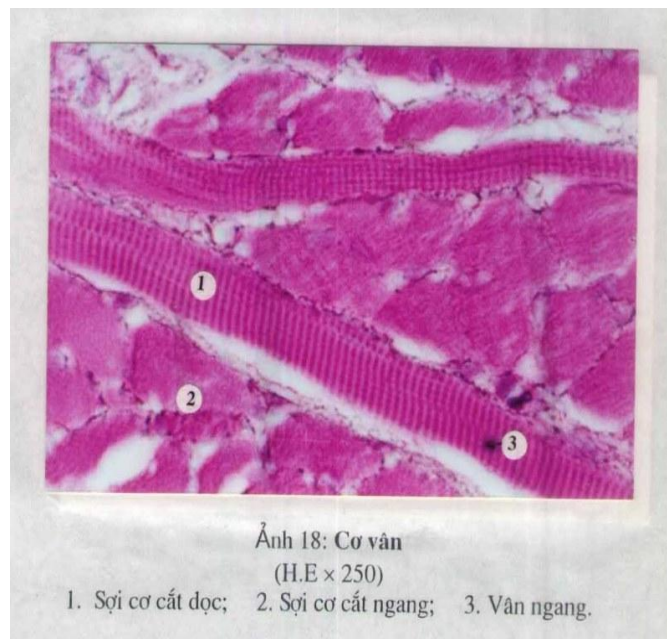
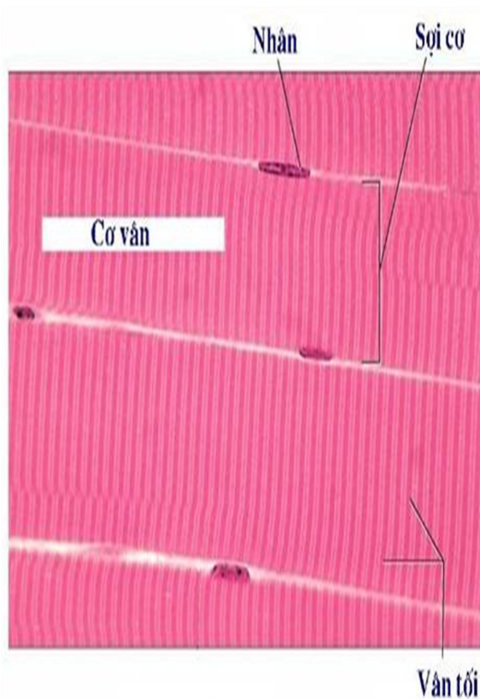
HS quan sát đoạn hình sau:



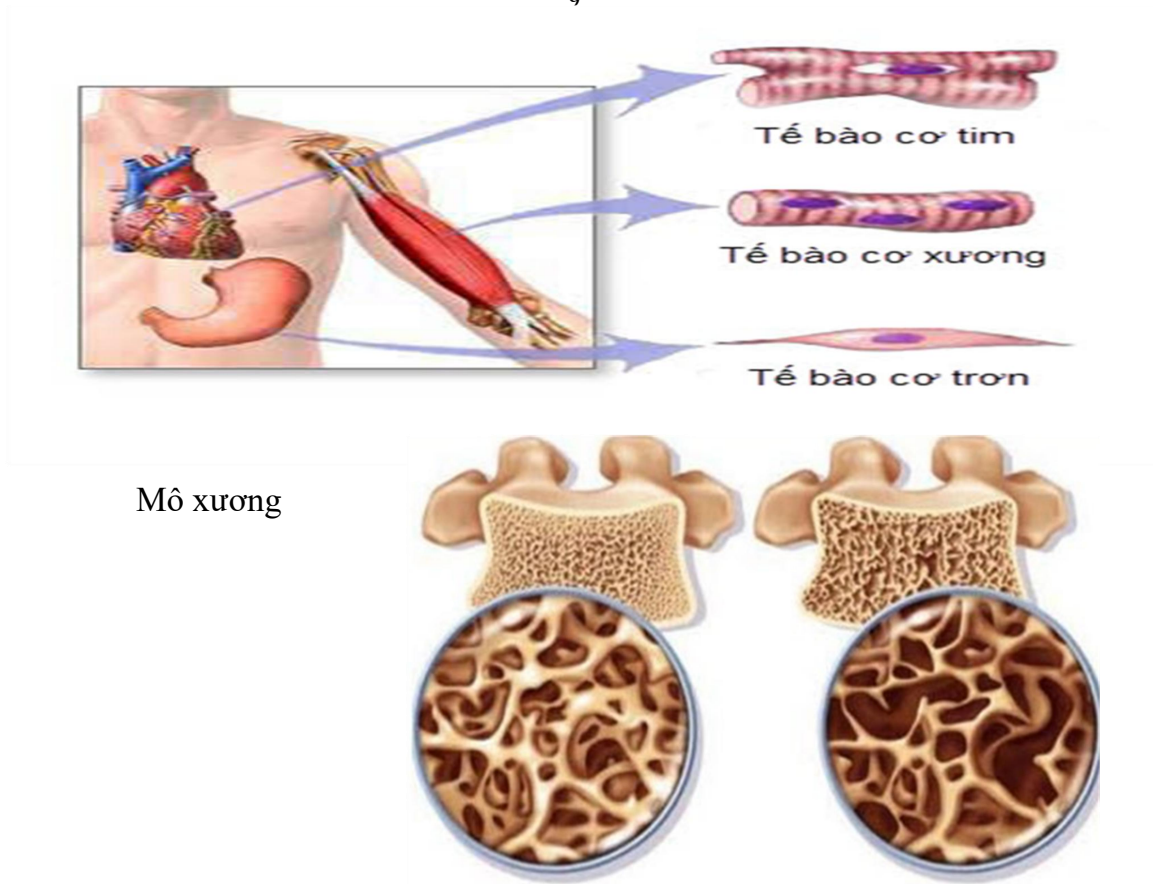
Mô cơ vân cắt ngang



Mô cơ vân cắt dọc



Mô cơ tim



CHỦ ĐỀ II: VẬN ĐỘNG

Bài 8 - CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

I. CẤU TẠO CỦA XƯƠNG

Xương có cấu tạo gồm: + Màng xương
+ Mô xương cứng
+ Mô xương xốp

1. Cấu tạo và chức năng của xương dài

Quan sát hình 8.1, 8.2, bảng 8.1/29 cho biết:

1. Cấu tạo hình ống, nan xương ở đầu xương xếp vòng cung có ý nghĩa gì đối với chức năng nâng đỡ của xương ?

.....
.

.....

.....

.....

2. Nêu cấu tạo và chức năng của xương dài?

.....

.....

2. Cấu tạo xương ngắn và xương dẹt

Quan sát hình 8.3 cho biết cấu tạo của xương ngắn và xương dẹt?

II. SỰ TO RA VÀ DÀI RA CỦA XƯƠNG

Đọc thông tin SGK/29, Quan sát hình 8.5 cho biết:

1. Xương to ra về bề ngang là nhờ đâu ?

2. Giải thích sự phát triển xương theo lứa tuổi?

3. Vai trò của sụn tăng trưởng?

4. Xương dài ra nhờ đâu?

III. THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

Đọc thông tin SGK/30, cho biết thành phần cấu tạo và tính chất của xương?

B. NỘI DUNG GHI BÀI TRONG VỞ

BÀI 5: THỰC HÀNH QUAN SÁT TẾ BÀO VÀ MÔ

(không ghi nội dung)

CHỦ ĐỀ II: VẬN ĐỘNG Bài 8 - CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

I. CẤU TẠO CỦA XƯƠNG

Xương có cấu tạo gồm: + Màng xương
+ Mô xương cứng
+ Mô xương xốp

1. Cấu tạo và chức năng của xương dài

<u>Các phần của xương</u>	<u>Cấu tạo</u>	<u>Chức năng</u>
<u>Đầu xương</u>	- Sụn bọc đầu xương - Mô xương xốp gồm các nan xương	- Giảm ma sát trong khớp xương - Phân tán lực tác động - Tạo các ô chứa tủy đỏ xương
<u>Thân xương</u>	- Màng xương - Mô xương cứng - Khoang xương	- Giúp xương phát triển to về bề ngang - Chịu lực, đảm bảo vững chắc - Chứa tủy đỏ ở trẻ em, sinh hồng cầu; chứa tủy vàng ở người lớn

2. Cấu tạo xương ngắn và xương dẹt

- Xương ngắn và xương dẹt không có cấu tạo hình ống, bên ngoài là lớp mô xương cứng, bên trong lớp mô đó là mô xương xốp gồm nhiều nan xương và nhiều hốc trống nhỏ chứa tủy đỏ.

II. SỰ TO RA VÀ DÀI RA CỦA XƯƠNG

- Xương to ra là nhờ sự phân chia của các tế bào màng xương
- Xương dài ra là nhờ sự phân chia của các tế bào lớp sụn tăng trưởng.

III. THÀNH PHẦN HÓA HỌC VÀ TÍNH CHẤT CỦA XƯƠNG

1. Thành phần hóa học. gồm :

- Chất vô cơ: Muối canxi.

- Chất hữu cơ: Cốt giao.

2. Tính chất :

Bền chắc và mềm dẻo

C. BÀI TẬP

1. Hoàn thành bảng sau:

Các phần của xương	Trả lời: Chức năng phù hợp	Chức năng
1. Sụn đầu xương		a) Sinh hồng cầu, chứa mỡ ở người già
2. Sụn tăng trưởng		b) Giảm ma sát trong khớp
3. Mô xương xốp		c) Xương lớn lên về bề ngang
4. Mô xương cứng		d) Phân tán lực, tạo ô chứa tủy
5. Tủy xương		e) Chịu lực
		g) Xương dài ra

D. DẶN DÒ

- Học bài 8
- Viết bài vào vở
- Làm bài tập
- Chuẩn bị bài 9,10

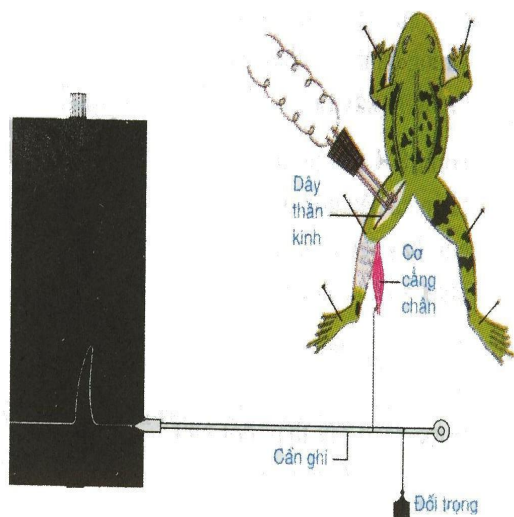
HƯỚNG DẪN TỰ HỌC CHO HỌC SINH MÔN SINH HỌC 8 TUẦN 5

A. CÂU HỎI

BÀI 9: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ

I. CẤU TẠO CƠ BẮP VÀ TẾ BÀO CƠ (Giảm tải HS tự đọc)

II. TÍNH CHẤT CỦA CƠ



1. HS đọc thông tin SGK/32, cho biết:

Tại sao khi cơ co bắp cơ ngấn lại ?

Tính chất của cơ là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

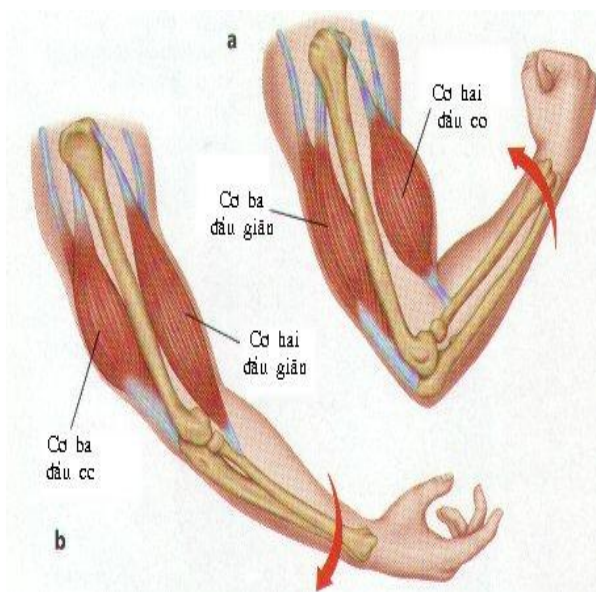
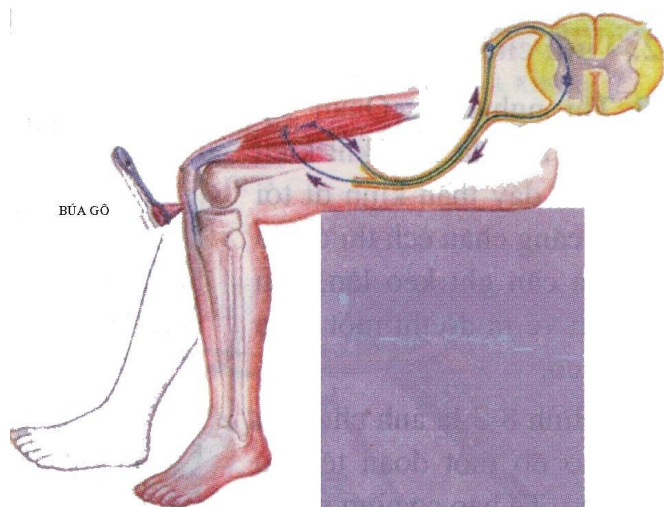
.....

.....

Hình 9-2 Thí nghiệm sự co cơ

2. Các em đọc thông tin phần II/SGK và quan sát hình

- Ngồi thả lỏng trên ghế, dùng búa (y tế) gõ nhẹ vào gân xương bánh chè có hiện tượng gì?
- Gập cẳng tay vào sát với cánh tay em thấy hiện tượng gì xảy ra ? Vì sao



.....

.....

III. Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG CƠ CƠ

Quan sát H 9.4 :

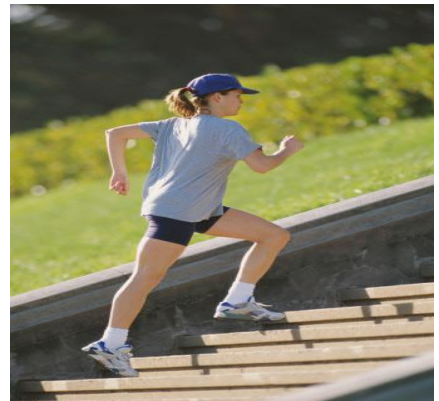
1. Cho biết sự cơ cơ có tác dụng gì?
2. Phân tích sự phối hợp hoạt động cơ, dẫn giữa cơ 2 đầu và cơ 3 đầu ở cánh tay ?
3. Hoạt động cơ cơ có ý nghĩa gì?

BÀI 10: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ

I. CÔNG CƠ (Giảm tải)

II. SỰ MỎI CƠ

1. Khi chạy một đoạn đường dài, em có cảm giác gì?



- 2/ Mỏi cơ là gì? Nguyên nhân của sự mỏi cơ?

3/ Khi bị mỏi cơ cần làm gì để hết mỏi cơ?

III. THƯỜNG XUYÊN TẬP LUYỆN ĐỂ RÈN LUYỆN CƠ

1/ Rèn luyện thể dục thể thao và lao động ảnh hưởng trước tiên đến hệ cơ quan nào, vì sao hệ cơ quan này phát triển?

2/ Vì sao rèn luyện thể dục thể thao và lao động ảnh hưởng đến toàn bộ cơ quan ?

3/ Luyện tập như thế nào để có kết quả tốt?

4/ Luyện tập thường xuyên có tác dụng như thế nào đến các hệ cơ quan trong cơ thể và dẫn tới kết quả gì đối với hệ cơ?



B. NỘI DUNG GHI BÀI TRONG VỞ

BÀI 9: CẤU TẠO VÀ TÍNH CHẤT CỦA CƠ

I. CẤU TẠO CƠ BẮP VÀ TẾ BÀO CƠ (Giảm tải HS tự đọc)

II. TÍNH CHẤT CỦA CƠ

- Tính chất của cơ là co và giãn
- Khi cơ co, tơ cơ mảnh xuyên sâu vào vùng phân bố của tơ cơ dày làm cho tế bào cơ ngắn lại.
- Cơ co khi có kích thích và chịu ảnh hưởng của hệ thần kinh.

III. Ý NGHĨA CỦA HOẠT ĐỘNG CƠ CƠ

- Cơ co giúp xương cử động dẫn đến vận động sự cơ thể.
- Trong cơ thể luôn có sự phối hợp hoạt động của các nhóm cơ.

BÀI 10: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ

I. CÔNG CƠ (Giảm tải)

II. SỰ MỎI CƠ

- Mỗi cơ là hiện tượng cơ làm việc quá sức và kéo dài làm biên độ co cơ giảm dần và ngừng.

1. Nguyên nhân của sự mỏi cơ:

- Lượng O_2 cung cấp cho cơ thiếu nên năng lượng sản ra ít
- Axit lactic tích tụ, đầu độc cơ .

2. Biện pháp chống mỏi cơ:

- Hít thở sâu kết hợp xoa bóp cơ
- Cần có thời gian học tập, lao động, nghỉ ngơi hợp lý.
- Rèn luyện thể dục thể thao thường xuyên

III. THƯỜNG XUYÊN TẬP LUYỆN ĐỂ RÈN LUYỆN CƠ

- Thường xuyên luyện tập TDTT vừa sức giúp:
- + Tăng thể tích cơ .

+ Tăng lực cơ cơ .

+ Tinh thần sảng khoái, lao động cho năng suất cao.

C. BÀI TẬP

Câu 1: Khi nào cả cơ gấp và cơ duỗi căng chân cùng co? Giải thích hiện tượng đó?

Câu 2: Có khi nào cơ gấp và cơ cơ duỗi của cùng một bộ phận cơ thể cùng co hoặc duỗi tối đa? Vì sao?

Câu 3: Các biện pháp làm tăng cường khả năng làm việc của cơ:

- A. Tập thể dục và thể thao thường xuyên;
- B. Ăn uống đủ chất và đủ năng lượng;
- C. Phải tạo môi trường làm việc vui vẻ, thoáng khí;
- D. Tất cả các ý đều đúng.

Câu 4: Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động của cơ là

- A. khối lượng vật cần phải di chuyển;
- B. Trạng thái thần kinh, nhịp độ lao động và khối lượng vật cần mang;
- C. Trạng thái thần kinh;
- D. Nhịp độ lao động.

Câu 5: Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân gây ra sự mỏi cơ?

- A. Axit lactic ứ đọng trong cơ sẽ dẫn đến độc cơ làm cơ co rút yếu;
- B. Thiếu ôxi;
- C. Thiếu năng lượng;
- D. Ngủ nhiều.

D. DẶN DÒ

- Về nhà học bài 9,10
- Trả lời câu hỏi 2,3,4 vào vở bài tập.
- Đọc mục em có biết.
- Đọc trước bài 11, 12.